

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07/8/2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dực

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Chử - Cán bộ nghỉ hưu
2. Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Cán bộ Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 08 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2024/TLST - HNGĐ ngày 06/5/2024 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 05/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992
- Bị đơn : Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991
- Người có QLVN liên quan: 1. Cháu Nguyễn G B, sinh ngày 03/8/2013
2. Cháu Nguyễn B N, sinh ngày 29/11/2014

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Th – Mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: PD, Đ D, AT, Hưng Yên

Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 và lời khai của chị Th trình bày chị và anh T là hai người khác quê, sau một thời gian tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì T tới hôn nhân, anh chị có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Khải, Tứ Kỳ, Hải Dương vào ngày 06/3/2013. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống, được khoảng 20 ngày vợ chồng về gia đình chị ở Đào Dương để sinh sống tiện cho làm việc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan

điểm sống. Anh T chơi không quan tâm gì đến vợ con và gia đình, ngoài ra còn nhiều lý do khác nữa nên anh chị mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lần chị khuyên ngăn anh T nhưng anh T không nghe mà còn đánh chị. Đến nay, chị xác định chung sống với anh T không có tình cảm, hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn G B, sinh năm 2013 và Nguyễn B N, sinh năm 2014. Chị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai của anh T trình bày: Anh và chị Th đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Khải, Tứ Kỳ, Hải Dương vào năm 2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại Tứ Kỳ, một thời gian thì chuyển về Đào Dương sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mỗi năm ngày một trầm trọng hơn nên vợ chồng không có Tg nói chung. Cuối năm 2023, vợ chồng sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị Th xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn G B, sinh năm 2013 và Nguyễn B N, sinh năm 2014. Ngày 28/5/2024, anh nhận nuôi cháu Bảo còn để chị Th nuôi cháu Ngọc. Đến ngày 28/6/2024, anh nhất trí để chị Th nuôi cả hai con chung

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của bà Chu Thị Cóm (mẹ đẻ của chị Th) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Khải, Tứ Kỳ, Hải Dương vào năm 2013. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống, anh chị chung sống cùng với gia đình chồng tại Quang Khải, Tứ Kỳ được 1 thời gian ngắn, sau đó về gia đình bà ở từ đó cho đến nay. Khoảng vài năm trước anh chị làm nhà vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống anh chị mâu thuẫn như thế nào bà không rõ, thời gian gần đây chị Th có nói với bà là vợ chồng không ở được với nhau, bà có khuyên cả 02 vợ chồng suy nghĩ kỹ và vì các con nhưng chị Th vẫn kiên quyết, bà có bảo với anh T là chị Th có làm đơn ly hôn thì đừng ký nhưng anh T bảo để cho chị Th quyết định.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn G B, sinh năm 2013 và Nguyễn B N, sinh năm 2014

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị có 01 ngôi nhà xây dựng trên đất của vợ chồng bà, nhưng bà không có yêu cầu gì.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bắc Sơn: Chị Th, anh T là vợ chồng, không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn mà đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Khải, Tứ Kỳ, Hải Dương. Tuy nhiên chị Th, anh T chung sống với nhau tại

Phản Dương, Đào Dương và có đăng ký HKTT tại Phản Dương, Đào Dương. Quá trình chung sống chị Th, anh T chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được, không có phản ánh nào của nhân dân và trưởng thôn về mâu thuẫn của vợ chồng

Về con chung: Anh T, chị Th có 02 con chung là Nguyễn G B, sinh năm 2013 và Nguyễn B N, sinh năm 2014. Hiện nay cháu đang sinh sống và học tập tại Đào Dương.

Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 29/7/2024: Chị Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa ngày 07/8/2024: Chị Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điều 238 của BLTTDS, HĐXX T hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 73, 78 BLTTDS.

- Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01 ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T, chị Th giao cháu Nguyễn G B, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn B N, sinh năm 2014 cho chị Th trực tiếp nuôi

dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị Th không yêu cầu giải quyết
- Về án phí: Chị Th tự nguyện chịu cả tiền án phí thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Khải, Tứ Kỳ, Hải Dương vào ngày 06/3/2013 thể hiện tại sổ 13/2013. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh T là hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T hiện đang có nơi cư trú tại PD, Đ D, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th, anh T xác định vợ chồng mâu thuẫn với nhau vào cuối năm 2021, đầu năm 2022 nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn hàng ngày, vợ chồng không có Tg nói chung, ngoài ra chị Th còn trình bày là do anh T chơi không quan tâm vợ con và gia đình, chị Th đã khuyên ngăn nhưng anh T không nghe, còn có lần đánh chị Th. Gia đình đã khuyên can, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn tồn tại trong một thời gian không được giải quyết và ngày càng trầm trọng hơn phù hợp với lời khai của bà Cóm, anh T. Chị Th kiên quyết xin ly hôn, về phía anh T quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án T hành triệu tập hòa giải vợ chồng về đoàn tụ thì anh T đều vắng mặt nhưng anh T nhất trí ly hôn. Điều đó cho thấy cả chị Th và anh T đều không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T chị Th đã có thời gian sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, vì vậy có đủ căn cứ để chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T.

[3] Về con chung: Anh T, chị Th có 02 con chung là Nguyễn G B, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn B N, sinh năm 2014. Hiện các cháu đều đang sinh sống và học tập tại xã Đào Dương. Vợ chồng ly hôn, chị Th có nguyện vọng nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý để chị Th nuôi cả hai con chung để các cháu có anh có em. Xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng và hợp pháp của các đương sự, thể hiện tình cảm, trách nhiệm của những người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Đồng thời xét đến điều kiện của chị Th thì thấy thu nhập hàng tháng của chị Th khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng, mặc dù hiện nay chị đang làm việc tại Lạng Sơn nhưng nếu

được nuôi dưỡng hai con chung thì chị Th sẽ về quê để tìm việc làm và nuôi dưỡng các con. Hơn nữa, chị Th và anh T đã có nhà làm trên đất của bố mẹ chị Th và bố mẹ chị Th ở gần nhà và có điều kiện để hỗ trợ chị Th chăm sóc các con chung. Cháu Bảo không biết ở với ai, còn cháu Ngọc ở với anh T hay chị Th đều được, để các cháu có anh có em và tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, học tập của con chung, cần giao hai con chung cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nên công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị Th.

Về cấp dưỡng: Chị Th nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th là tự nguyện của chị Th nên HĐXX chấp nhận. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là tự nguyện nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn T

2- Về con chung: Anh T, chị Th có 02 con chung là Nguyễn G B, sinh ngày 03/8/2013 và Nguyễn B N, sinh ngày 29/11/2014. Nay ly hôn, anh T, chị Th thống nhất thỏa thuận để chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

4 - Về án phí : Chị Th tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000786 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị Th 150.000 đồng.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Quang Khải, Tứ Kỳ, Hải Dương;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dực

